

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2013

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ:

Phần I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn một số điều về đầu tư vốn, quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 71/2013/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định số 71/2013/NĐ-CP.

2. Các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoạt động ở những lĩnh vực đặc thù có quy định riêng về tài chính thì thực hiện theo những quy định riêng do cơ quan có thẩm quyền ban hành và thực hiện theo các nội dung khác có liên quan quy định tại Nghị định số 71/2013/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này.

3. Doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ căn cứ quy định của Luật doanh nghiệp, Nghị định số 71/2013/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này để ban hành quy chế về đầu tư vốn và quản lý tài chính đối với công ty con do doanh nghiệp nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Ngoài các từ ngữ được hiểu theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 71/2013/NĐ-CP, trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Vốn huy động của doanh nghiệp” là vốn doanh nghiệp vay của các tổ chức tín dụng, các tổ chức tài chính khác, các cá nhân trong và ngoài nước; phát hành trái phiếu; nhận vốn góp và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. “Tài sản của doanh nghiệp” là các loại tài sản hữu hình và tài sản vô hình thuộc quyền quản lý, sử dụng của doanh nghiệp được hình thành từ vốn nhà nước đã đầu tư, vốn huy động và các nguồn vốn khác tại doanh nghiệp được phản ánh trên bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp tại thời điểm nhất định (không bao gồm tài sản doanh nghiệp đi thuê hoạt động, đi mượn, nhận giữ hộ, nhận gia công, nhận bán đại lý, ký gửi).

3. “Doanh nghiệp khác” là doanh nghiệp:

- Có cổ phần, vốn góp của nhà nước do Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là Bộ quản lý ngành), hoặc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) làm Chủ sở hữu vốn.

- Có cổ phần, vốn góp của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

Phần II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Chương I ĐẦU TƯ VỐN VÀ QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP

Mục 1 ĐẦU TƯ VỐN VÀO DOANH NGHIỆP

Điều 4. Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp

Việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Mục 1, Chương II của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP và hướng dẫn sau đây:

1. Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp để thực hiện các dự án, công trình quan trọng của nhà nước và các dự án, công trình khác để thành lập mới doanh nghiệp hoặc để phát triển, mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp đang hoạt động phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển

kinh tế của vùng, ngành, quy hoạch sử dụng đất đai và phải đảm bảo thực hiện đúng trình tự, thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình và quy định của pháp luật có liên quan, được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc thanh toán vốn nhà nước đầu tư trong quá trình thực hiện dự án đầu tư và quyết toán vốn nhà nước đầu tư khi dự án hoàn thành, chủ đầu tư, doanh nghiệp thực hiện theo quy định hiện hành của nhà nước về quản lý thanh toán và quyết toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

3. Việc đầu tư vốn nhà nước để duy trì hoặc tăng tỷ lệ vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo thủ tục theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

4. Việc đầu tư vốn nhà nước để mua lại một phần vốn hoặc toàn bộ doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác phải theo phương án do Bộ quản lý ngành hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng có ý kiến thẩm định của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Mục 2

QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP KHÁC DO BỘ QUẢN LÝ NGÀNH, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP TỈNH LÀM CHỦ SỞ HỮU VỐN

Điều 5. Thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu đối với vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác

Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu đối với vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác thông qua người đại diện theo quy định tại Điều 8 của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP. Trong đó:

1. Xây dựng quy chế để kiểm tra, giám sát hoạt động của người đại diện nhằm kịp thời phát hiện và xử lý những sai sót, yếu kém của người đại diện trong việc thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đại diện đã được chủ sở hữu giao trong việc thực hiện quản lý vốn nhà nước ở doanh nghiệp khác.

2. Yêu cầu người đại diện định kỳ hằng quý, năm hoặc đột xuất thực hiện tổng hợp, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính và kiến nghị các biện pháp xử lý, tháo gỡ khó khăn nhằm nâng cao hiệu quả vốn của Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác theo phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này, báo cáo chủ sở hữu vốn và gửi về Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp). Thời hạn người đại diện nộp báo cáo thực hiện theo quy định về thời hạn nộp báo cáo tài chính doanh nghiệp hiện hành.

3. Quản lý việc thực hiện quyền mua cổ phần phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi của người đại diện và chịu trách nhiệm khi xảy ra trường hợp người đại diện vi phạm việc thực hiện quyền mua cổ phần phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

Điều 6. Quyền, trách nhiệm của người đại diện

1. Người đại diện thực hiện các quyền, trách nhiệm trong việc quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 9 và khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP và quy chế hoạt động của người đại diện do Bộ Tài chính ban hành.

2. Người đại diện được quyền mua cổ phần phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi theo quyết định của công ty cổ phần quy định tại tiết c, khoản 2, Điều 9 Nghị định số 71/2013/NĐ-CP.

Trường hợp người đại diện được cử làm đại diện tại nhiều công ty cổ phần, thì chỉ được lựa chọn quyền mua cổ phần phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi tại một công ty cổ phần mà người đó được cử làm đại diện. Người đại diện có trách nhiệm báo cáo và được chủ sở hữu quyết định về việc thực hiện quyền mua cổ phần nêu trên; Quyền mua cổ phần phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi của người đại diện tại các công ty cổ phần còn lại thuộc quyền mua của chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác (trừ trường hợp người đại diện được mua theo quyền của cổ đông hiện hữu).

Điều 7. Tăng, giảm vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác do Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm chủ sở hữu

1. Khi doanh nghiệp khác có kế hoạch tăng vốn điều lệ, người đại diện phải xây dựng phương án bổ sung vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác báo cáo chủ sở hữu quyết định theo quy định tại Điều 7 của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP. Phương án bổ sung vốn bao gồm các nội dung:

- a) Căn cứ pháp lý để tăng vốn của doanh nghiệp khác.
- b) Tình hình tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp khác trong 3 năm trước khi thực hiện phương án tăng vốn.
- c) Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển và sử dụng nguồn vốn tăng của doanh nghiệp.
- d) Đánh giá lợi ích kinh tế thu được và ảnh hưởng tăng đầu tư vốn của nhà nước vào doanh nghiệp khác.
- đ) Đề xuất nguồn bổ sung vốn nhà nước vào doanh nghiệp khác.

2. Trường hợp phương án bổ sung vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp thì Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập hồ sơ gửi Bộ Tài chính thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

3. Trường hợp doanh nghiệp khác hoạt động không thuộc ngành, lĩnh vực nhà nước cần tiếp tục đầu tư thêm vốn theo tiêu chí, danh mục phân loại doanh

ng nghiệp nhà nước do Thủ tướng Chính phủ ban hành thì Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi cho tổ chức, cá nhân khác.

Nguyên tắc chuyển nhượng quyền mua cổ phần, trái phiếu chuyển đổi thực hiện theo phương thức đấu giá công khai. Việc xác định giá khởi điểm được thực hiện thông qua tổ chức có chức năng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá. Trường hợp thời gian cho phép cổ đông thực hiện quyền mua cổ phần, trái phiếu chuyển đổi theo phương án phát hành của công ty cổ phần ngắn, không đủ để tổ chức thực hiện đấu giá chuyển nhượng thì chủ sở hữu xem xét quyết định giá chuyển nhượng theo quy định và đảm bảo hiệu quả.

Người có thẩm quyền quyết định chuyển nhượng quyền mua cổ phần, trái phiếu chuyển đổi không được quyết định chuyển nhượng cho doanh nghiệp trong đó có vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột là người quản lý doanh nghiệp này và không được quyết định chuyển nhượng cho các cá nhân là người có quan hệ như trên.

4. Tiền thu về chuyển nhượng quyền mua cổ phần, trái phiếu chuyển đổi tại doanh nghiệp khác sau khi trừ các chi phí có liên quan đến việc chuyển nhượng quyền mua cổ phần, hoàn thành các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật, phần còn lại được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

5. Việc giảm một phần vốn hoặc thu hồi toàn bộ vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác do Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là chủ sở hữu vốn được thực hiện theo phương thức chuyển nhượng quy định tại Điều 8 Thông tư này.

Mục 3

CHUYỂN NHƯỢNG VỐN NHÀ NƯỚC

ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP

Điều 8. Phương thức chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp

Phương thức chuyển nhượng vốn nhà nước đã đầu tư vào các doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 14 của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP và hướng dẫn sau đây:

1. Việc chuyển nhượng vốn nhà nước tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ dưới hình thức cổ phần hóa hoặc bán doanh nghiệp theo phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì thực hiện theo quy định của Chính phủ về cổ phần hóa hoặc bán doanh nghiệp do nhà nước làm chủ sở hữu.

2. Chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên để trở thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên: